

- Ông Đặng Đình P1 sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

- Ông Trần Minh P2 sinh năm 1957; địa chỉ: Số F đường Đ, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1977; địa chỉ: Số B H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Ông Ngô Duy H1 sinh năm 1950; địa chỉ: Số nhà F ngõ A đường T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cáp Trọng T - Chủ tịch UBND quận N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T1 - Phó Chủ tịch UBND quận N (Văn bản ủy quyền số 86/GUQ-UBND ngày 27/12/2024); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Kim C1; nơi ở: Lô C B, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2023 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là ông Vũ Văn P trình bày:

Diện tích đất gia đình ông P sử dụng tại số H đường N có nguồn gốc là đất do gia đình ông B khai hoang, vượt lập. Năm 1968, vợ chồng bà N, ông Đ nhận chuyển nhượng diện tích đất từ ông B. Năm 1989, ông P nhận chuyển nhượng từ bà N, ông Đ, việc mua bán có giấy tờ viết tay. Quá trình sử dụng đất, năm 1996 thực hiện dự án Đường E, Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất của gia đình ông P và xác định loại đất là đất ở, đủ điều kiện bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi. Năm 2001, UBND phường L tiến hành khảo sát, đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông P và cấp cho gia đình ông Biên bản xác định ranh giới, hồ sơ kỹ thuật thửa đất xác định gia đình ông P sử dụng 91,9m². Năm 2020, Trung tâm K lập Trích lục địa chính số 69/2020-TL ghi nhận gia đình ông P sử dụng 93,1m².

Trong suốt quá trình sử dụng đất, gia đình ông P không có tranh chấp, không có hành vi vi phạm về đất đai, được các cơ quan hành chính qua nhiều thời kỳ ghi nhận nên đủ điều kiện được bồi thường 100% giá trị quyền sử dụng diện tích 93,1m² đất và vật kiến trúc trên đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013. Tại phiên toà sơ thẩm, ông P yêu cầu UBND quận N bồi thường cho ông 100% số tiền bồi thường về đất với diện tích 91,9m² theo Trích lục địa chính năm

2001 chứ không phải là 93,1m² như trong quá trình giải quyết vụ án ông đã yêu cầu.

Khi thu hồi đất, UBND phường L và UBND quận H đã xác định sai nguồn gốc đất, diện tích thu hồi (chỉ xác định và chỉ trả bồi thường diện tích đất 71,37m²), không bồi thường đủ giá trị đất (50%) mà không cung cấp được văn bản chứng minh là không đúng. Hợp tác xã N1 là Hợp tác xã nông nghiệp có trụ sở nằm trên địa giới hành chính huyện A (nay là quận L), tách biệt với quận N, giới hạn bởi đường L và đường An Kim H2, việc cho rằng diện tích đất của gia đình ông P thuộc hồ cá Hợp tác xã N1 là không có căn cứ, không có tài liệu chứng minh Hợp tác xã N1 được UBND quận N giao đất, không có biên bản hay quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với gia đình ông P.

UBND quận N bồi thường cho ông P với đơn giá đất như phương án bồi thường là chưa chính xác bởi lẽ diện tích đất của ông P nằm ở hai mặt đường (đường N, đường B (hình thành năm 2018) nên phải được tăng thêm 10% theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 quy định về Bảng giá đất thành phố năm 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 54 năm 2019 so với Quyết định phê duyệt giá đất số 1535 ngày 26/5/2022.

Khi thu hồi đất, gia đình ông P được hỗ trợ tạm lánh để thuê nhà trong khi chờ đợi việc xây dựng công trình nhà ở trên đất tái định cư. Tuy nhiên, đến nay đã 01 năm nhưng gia đình ông P chưa nhận được đất tái định cư trong khi số tiền hỗ trợ đã sử dụng hết nên gia đình ông P đề nghị chi trả tiền tạm lánh cho đến khi nhận được đất và hỗ trợ thêm 06 tháng tạm lánh kể từ khi nhận được đất.

UBND phường L và UBND quận N cho rằng ông P có hành vi xây dựng trái phép nhà, lều quán, lò gạch, ngói, lò vôi và các công trình khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (đường An Kim H2) và lập biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh tình tiết vi phạm mà không thông báo, gia đình ông P không được giải trình là không đúng. Căn cứ Trích lục địa chính số 69/2020-TL, gia đình ông P không có hành vi lấn chiếm 21,73m². UBND quận N đã bồi thường thiếu của gia đình ông P diện tích T2 đất 21,73m² và không bồi thường vật kiến trúc trên phần diện tích đất này là không đúng. UBND quận N phải bồi thường cho ông P 100% diện tích 93,1m² là đất ở và toàn bộ vật kiến trúc trên đất. Từ đó dẫn đến việc ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng.

Do vậy, ông Vũ Văn P3 khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) (viết tắt là Quyết định 3106).

- Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy

ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Vũ Văn P (viết tắt là Quyết định 3148).

- Hủy Quyết định số 2567/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (viết tắt là Quyết định 2567).

- Hủy Quyết định số 2901/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính (viết tắt là Quyết định 2901)

- Hủy Quyết định số 3613/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (viết tắt là Quyết định 3613).

Người bị kiện do người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Diện tích đất của hộ ông Vũ Văn P bị thu hồi có nguồn gốc là đất hồ cá của Hợp tác xã N1, ông Đồng Xuân Đ tự vượt lập trước năm 1970. Đến ngày 16/8/1989 ông Đồng Xuân Đ viết Giấy biên nhận chuyển nhượng diện tích khoảng 75m² cho ông Vũ Văn P, có giấy viết tay.

Theo Bản đồ địa chính Đường 5 năm 1996, hộ ông Vũ Văn P sử dụng đất 119,17m² (phần diện tích tăng 44,17m² là do hộ ông P lấn chiếm thêm) thuộc thửa đất 110b+110a +110; diện tích trong chỉ giới thu hồi là 47,80m² thuộc thửa 110b (thực tế thu hồi 65,73m²; trong đó 17,93m² bồi thường ngoài bản đồ địa chính); diện tích còn lại 71,37m².

Năm 2001, khi thành lập Bản đồ địa chính phường L, ông P đứng tên sử dụng đất tại thửa 517, diện tích 91,9m², mục đích sử dụng đất làm nhà ở; diện tích biến động tăng 20,53m² là do sử dụng ra nương An Kim H2.

Năm 2020 lập Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 hộ ông P sử dụng tại thửa đất 86, diện tích 93,1m², diện tích biến động tăng 1,2m² là do tiếp tục sử dụng ra nương An Kim H2.

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất các hộ gia đình có đất bị thu hồi thực hiện dự án do UBND phường L báo cáo; Phòng Tài nguyên và Môi trường quận N thẩm định, Ủy ban nhân dân quận N đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Theo kết quả thẩm định, hộ ông P bị thu hồi 93,1m² đất, đủ điều kiện bồi thường về đất ở với diện tích 71,37m² nhưng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính 50% theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc phê duyệt

phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Văn P. Theo đó, hộ ông P được bồi thường về đất 1.716.448.500 đồng; bồi thường về vật kiến trúc 681.420.329 đồng; bồi thường chi phí di chuyển: 5.000.000 đồng và các khoản hỗ trợ khác 41.000.000 đồng; hộ ông P đủ điều kiện giao 01 suất tái định cư là đảm bảo quy định của pháp luật.

Căn cứ Bản đồ địa chính thực hiện dự án Đường E năm 1996 và phương án bồi thường thì phần diện tích đất còn lại sau thu hồi đất phục vụ dự án tuyến Đường 5 kéo dài đủ điều kiện bồi thường là đất ở. Đối chiếu với Bản đồ địa chính phường Lạch Tray năm 2001, Trích lục địa chính năm 2020 thì phần diện tích đất biến động tăng được xác định là đất do các hộ dân chiếm dụng phía mương An Kim H2, là đất thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Vì vậy, UBND phường L đã lập biên bản vi phạm hành chính và biên bản xác minh tình tiết vi phạm đối với hộ ông Vũ Văn P. Việc lập biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh tính tiết vụ việc vi phạm hành chính là đảm bảo đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do hành vi xây dựng kết thúc vào năm 2006, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, Chủ tịch UBND quận N đã ban hành Quyết định số 2567/QĐ-KPHQ ngày 07/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 2901/QĐ-SĐBSHB ngày 02/11/2022 về việc sửa đổi Quyết định số 2567/QĐ-KPHQ và Quyết định số 3613/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim C1: Thống nhất yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của ông Vũ Văn P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn P về việc:

- Hủy Quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1).

- Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Vũ Văn P).

- Hủy Quyết định số 2567/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 2901/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định

trong xử phạt vi phạm hành chính.

- Hội Quyết định số 3613/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/5/2024, người khởi kiện là ông Vũ Văn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện rút một phần kháng cáo đối với các Quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất, Quyết định số 2567/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 2901/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số 3613/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Vũ Văn P).

Ông Vũ Văn P và đại diện theo ủy quyền của ông P trình bày: Nguồn gốc đất gia đình ông P sử dụng là hợp pháp do nhận chuyển nhượng của ông Đồng Xuân Đ, có giấy tờ chuyển nhượng và sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất. Năm 1996 khi thực hiện dự án Đường E Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất của ông P và bồi thường loại đất ở. Bản đồ địa chính năm 2001 cũng ghi nhận gia đình ông P sử dụng 91,9m² ổn định, không tranh chấp. UBND quận N cho rằng ông P có hành vi vi phạm tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất và trừ 50% giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi, nhưng không chứng minh được hành vi vi phạm tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng của gia đình ông P, không chứng minh được có sự tồn tại của Hợp tác xã N1 cũng như quyền sử dụng hợp pháp của Hợp tác xã N1 đối với diện tích đất thu hồi là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn

phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Vũ Văn P) để lập lại phương án bồi thường theo hướng gia đình ông P không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích 71,37m² đất; không đề nghị xem xét đối với diện tích 21,73m² xác định vi phạm bảo vệ công trình thủy lợi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, nghe ý kiến trình bày của các đương sự đã kết luận: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định nguồn gốc đất gia đình ông P sử dụng nguyên là hồ cá của Hợp tác xã N1, ông P nhận chuyển nhượng lại từ ông Đồng Xuân Đ. Trên cơ sở hồ sơ quản lý đất đai và biên bản vi phạm có cơ sở xác định trong số diện tích đất ông P bị thu hồi, có diện tích đất gia đình ông P nhận chuyển nhượng, sử dụng ổn định phải nộp 50% tiền sử dụng đất và diện tích đất lấn chiếm không đủ điều kiện bồi thường. Khi thu hồi đất thực hiện dự án, UBND quận N đã áp dụng đầy đủ quy định của pháp luật về chính sách bồi thường cho gia đình ông P và quyền lợi của gia đình ông P đã được đảm bảo. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo ông P đã rút và không chấp nhận kháng cáo của ông P đối với Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định hành chính có liên quan là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 3, Điều 30, khoản 2 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính và các văn bản hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao.

- Về đơn kháng cáo của đương sự: Ngày 15/5/2024, ông Vũ Văn P có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là UBND quận N và Chủ tịch UBND quận Ngô Quyền vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Vũ Văn P và người đại diện theo ủy quyền của ông P là ông Ngô Duy H1 đề nghị triệu tập người bị kiện là UBND quận N và Chủ tịch UBND quận N tham gia phiên tòa để đối thoại, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại

Hà Nội đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ ba, người bị kiện là UBND quận N và Chủ tịch UBND quận N vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của người bị kiện không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

- Về thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Từ khi xét xử sơ thẩm đến khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa phúc thẩm lần 02 (13/01/2025), ông Vũ Văn P không mời Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đến ngày 24/02/2025, trước ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm lần thứ 3 (ngày 26/02/2025) 02 ngày, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mới nhận được thủ tục đăng ký của Luật sư Trần Đại P4 - Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H bảo vệ quyền lợi cho ông Vũ Văn P. Xét thấy trong suốt thời gian dài, ông Vũ Văn P không tiến hành mời Luật sư cho đến trước ngày mở phiên tòa phúc thẩm lần thứ ba 02 ngày mới làm thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền lợi là gây khó khăn cho việc xét xử phúc thẩm nên không chấp nhận thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Luật sư Trần Đại P4.

- Về việc rút kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Văn P tự nguyện rút một phần kháng cáo đối với các Quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất, Quyết định số 2567/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 2901/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số 3613/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 218, khoản 3 Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo ông Vũ Văn P đã rút kháng cáo.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Vũ Văn P đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 17/11/2022, UBND quận N ban hành Quyết định số 3106/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông P và Quyết định số 3148/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (trong đó có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Vũ Văn P) là đúng thẩm quyền và thời hạn ban hành quyết định theo quy định tại 2 Điều 66 và điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

Trên cơ sở Thông báo đất số 313/TB-UBND ngày 11/5/2022 của UBND quận N về việc thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục

vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn I), UBND quận N ban hành Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 17/5/2022 về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án. Ngày 09/6/2022 Trung tâm phát triển quỹ đất đã lập biên bản kiểm đếm, đo đạc đối với đất, nhà và tài sản gắn liền với đất tại diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông P; lập báo cáo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, lấy ý kiến các hộ dân có đất bị thu hồi về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức đối thoại với các hộ gia đình có ý kiến không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ; trình UBND quận N ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt, hộ ông P được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền về đất là 2.958.286.500 đồng. Trong đó, diện tích đất được bồi thường là 71,37m² với đơn giá là 41.450.000 đồng/m², sau khi trừ đi nghĩa vụ tài chính phải thực hiện (trừ 50% giá trị quyền sử dụng đất tính theo đơn giá tại bảng giá đất theo Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố H) với số tiền là 1.241.838.000 đồng (50% của 71,37m² x đơn giá 34.800.000 đồng); số tiền bồi thường về đất còn lại hộ ông P được nhận là 1.716.448.500 đồng. Ngoài ra, hộ ông P còn được bồi thường về vật kiến trúc với số tiền 681.420.329 đồng; tiền bồi thường chi phí di chuyển là 5.000.000 đồng; các khoản hỗ trợ khác là 41.000.000 đồng và được cấp 01 suất tái định cư.

Về căn cứ ban hành quyết định:

Về nguồn gốc đất của gia đình ông Vũ Văn P: Theo Báo cáo số 220/BC-UBND ngày 27/10/2022 của UBND phường L và Công văn số 4041/UBND-TNMT ngày 14/11/2023 của UBND quận N thì thửa đất thu hồi của hộ ông Vũ Văn P có nguồn gốc nguyên là hồ cá của Hợp tác xã N1. Ông Đồng Xuân Đ tự vượt lập và ở trước năm 1970. Đến ngày 16/8/1989, ông Đồng Xuân Đ viết giấy biên nhận chuyển nhượng cho ông Vũ Văn Phương diện T2 70m²-75m². Ông Vũ Văn P cũng thừa nhận nguồn gốc đất của gia đình ông là do nhận chuyển nhượng của ông Đồng Xuân Đ. Theo Bản đồ địa chính Đường 5 năm 1996, hộ ông Vũ Văn P3 sử dụng 119,17m² đất (phần diện tích tăng so với giấy tờ ông P3 mua 75m² là 44,17m² là do hộ ông P3 lấn chiếm thêm) thuộc thửa đất 110b+110a+110; diện tích trong chỉ giới thu hồi là 47,80m² thuộc thửa 110b (thực tế thu hồi 65,73m²; trong đó 17,93m² bồi thường ngoài bản đồ địa chính); diện tích còn lại 71,37m². Năm 2001, khi thành lập bản đồ địa chính phường L, ông P3 đứng tên sử dụng đất tại thửa 517, diện tích 91,9m²; mục đích sử dụng đất làm nhà ở. Diện tích biến động tăng 20,53m² là do sử dụng ra nương An Kim H2. Năm 2020 lập Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 hộ ông P3 sử dụng đất tại thửa số 86, diện tích 93,1m², diện tích biến động tăng 1,2m² là do tiếp tục sử dụng ra nương An Kim H2. Diện tích đất tăng thêm này phù hợp với trích đo hiện trạng tỷ lệ 1/500, hệ tọa độ VN-2000; Lo = 105 45 khu đất giáp đường N đoạn từ cầu vượt Lạch Tray đến đường V dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư

cũ trên địa bàn phường Đ, quận N thuộc địa phận phường L, quận N, thành phố Hải Phòng ngày 08/9/2022.

Về quá trình sử dụng: Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Văn P trình bày sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Đ, ông đã phá căn nhà lá trên đất để xây dựng nhà mái bằng sử dụng ổn định đến nay, không có tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính và đóng thuế đầy đủ nên đủ điều kiện được bồi thường 100% giá trị tiền sử dụng đất mà không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Tuy nhiên, tại Biên bản kiểm tra số 38/BBKT ngày 14/4/1994 của Sở Thủy lợi thành phố H về việc lấn chiếm đất và xây dựng nhà trái phép trên dải hành lang kênh An Kim H2 đối với hộ gia đình ông Vũ Văn P thể hiện: “Gia đình ông P đã và đang chiếm giữ 100m² đất, trong đó nhà ở diện tích 30m² xây dựng năm 1989, công trình phụ 18m², tường xây gạch chỉ 0,2m, đổ mái bằng; số nhân khẩu đang ăn ở tại đây 04 người và kết luận ông P có hành vi chiếm đất, xây dựng nhà trên dải hành lang kênh An Kim H2 là hoàn toàn sai trái, vi phạm Nghị định số 141-HĐBT ngày 25/4/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Quyết định số 165/QĐ-UB ngày 02/02/1991, Chỉ thị số 07-CT ngày 13/3/1991 của UBND thành phố H về quản lý đô thị; gia đình ông P phải đình chỉ ngay về việc xây dựng, tự tháo dỡ nhà, di chuyển toàn bộ người và tài sản về nơi ở cũ để trả lại mặt bằng cho Sở Thủy lợi quản lý chậm nhất là ngày 30 tháng 4 năm 1994. Nếu sau thời hạn trên gia đình không chấp hành nghiêm chỉnh thì sẽ bị xử lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật”; biên bản này có chữ ký của ông Vũ Văn P.

Như vậy, theo giấy chuyển nhượng đất ngày 16/8/1989 thể hiện ông Đồng Xuân Đ chuyển nhượng cho vợ chồng ông Vũ Văn Phương diện T2 khoảng từ 70m²-75m² đất, năm 1996 thực hiện dự án Đường E gia đình ông P bị thu hồi 65,74m² đất nên diện tích đất ông P nhận chuyển nhượng sau khi bị thu hồi chỉ còn gần 10m² (9,26m²). Tuy nhiên, theo Bản đồ địa chính Đường 5 năm 1996 thì hộ ông P sử dụng là 119,17m² đất, tăng 44,17m² đất so với diện tích ông P nhận chuyển nhượng và diện tích đất này được xác định là do hộ ông P lấn chiếm thêm nên diện tích đất còn lại của gia đình ông P sau khi thu hồi để mở rộng Đường 5 là 71,37m². Theo Bản đồ địa chính năm 2001 của UBND phường L thì ông P sử dụng diện tích 91,9m², phần diện tích tăng thêm được xác định lấn ra mương An Kim H2. Do đó, việc ông Vũ Văn P cho rằng không lấn chiếm đất là không có cơ sở.

Mặt khác, theo nội dung trả lời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các hộ dân tại quận N ban hành kèm theo Thông báo số 673/TB-UBND ngày 18/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố H thì đất của các hộ dân (trong đó có hộ P) đang sử dụng nguyên là hồ cá của Hợp tác xã N1, tự vượt lập từ năm 1960 đến năm 1980 (tự ý chuyển mục đích sử dụng đất từ đất ao thành đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993). Căn cứ bản đồ địa chính thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đường 5 năm 1996; trích lục thửa đất theo Bản đồ khảo sát năm 1985 và Bản đồ địa chính năm 1996 đã thể hiện phần diện tích còn lại của các hộ sau khi thu hồi dự án Đường E (diện tích này đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận nhưng phải thực hiện

nghĩa vụ tài chính theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, vì vậy khi bồi thường sẽ phải tính tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính). Đối với phần diện tích trong Bản đồ địa chính phường L lập năm 2001, Trích lục địa chính năm 2001 phát sinh sau năm 1996 do các hộ sử dụng được UBND phường xác định xây dựng nhà, công trình trên diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ và phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và không phải là căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông P đề nghị bồi thường đối với toàn bộ diện tích đang sử dụng theo Bản đồ địa chính phường L năm 2001 và không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở khẳng định tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất, ông B, ông Đ đã có hành vi vi phạm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Tại thời điểm UBND quận N thực hiện việc thu hồi đất vào năm 2022, không có văn bản, tài liệu thể hiện diện tích đất trên đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở. Tuy nhiên, do hộ ông P đã xây dựng nhà và sinh sống ổn định trên đất nhiều năm, không có tranh chấp; việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch. Vì vậy, UBND quận N đã xác định, sau khi bị Nhà nước thu hồi đất vào năm 1996, diện tích đất còn lại của hộ ông P là 71,37m² thuộc trường hợp đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở đó, UBND quận N lập phương án bồi thường về đất cho hộ ông P với diện tích được bồi thường là 71,37m² nhưng trừ 50% số tiền được bồi thường là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 74; Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

Đối với yêu cầu áp dụng đơn giá bồi thường đối với vị trí đất thu hồi và hỗ trợ thêm tiền thuê nhà ngoài số tiền hỗ trợ 06 tháng đã nhận đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết theo đúng quy định của Luật Đất đai và quy định của UBND thành phố H.

Như vậy, UBND quận N ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với gia đình ông Vũ Văn P là phù hợp với các quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền lợi của gia đình ông Vũ Văn P. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn P Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn P.

Về án phí: Do ông Vũ Văn P là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 218, khoản 3 Điều 229; khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo ông Vũ Văn P đối với các Quyết định số 3106/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất, Quyết định số 2567/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 2901/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định số 3613/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật đối với các quyết định hành chính nêu trên.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn P đề nghị hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Vũ Văn P); giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2024/HC-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đối với quyết định này.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Vũ Văn P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Phương Hạnh